

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

Số: 75 /2018/CV-TCHC
V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 8 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0214 3501 540 Fax: 0214 3903 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung công bố thông tin:
Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được lập vào tháng 02/2018.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

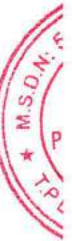
Người đại diện theo Pháp luật *lh*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
-----NEDI2-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2



Lào Cai, tháng 02 năm 2018

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung.....	1
1	Thông tin khái quát.....	1
2	Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	1
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
5	Định hướng phát triển.....	7
6	Các rủi ro.....	8
II.	Tình hình hoạt động trong năm.....	8
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2	Tổ chức nhân sự.....	9
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	12
4	Tình hình tài chính.....	13
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	15
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	16
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	18
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
2	Tình hình tài chính.....	21
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.....	22
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	22
5	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).....	22
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	22
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	23
1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	23
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.....	28
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	28
V.	Quản trị công ty.....	29
1	Hội đồng quản trị.....	29
2	Ban kiểm soát.....	35
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích HĐQT, Ban GD và BKS.....	36
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	38
1	Ý kiến kiểm toán.....	38
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	38

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO2- NEDI 2.,JSC
- Tên viết tắt: NEDI2
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300 21 55 27 – tỉnh Lào cai cấp ngày: 08/9/2016
- Vốn điều lệ: 500 tỷ VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 64B, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Số điện thoại: 02143 501 540
- Số fax: 02143 903 661
- Website: nedi2.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): ND2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.

Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của Vinaconex, một Tổng Công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay NEDI 2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện và bất động sản.

Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao đó, NEDI 2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín, và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, NEDI 2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện;

+ Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;

+ Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, vật liệu xây dựng;

+ Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

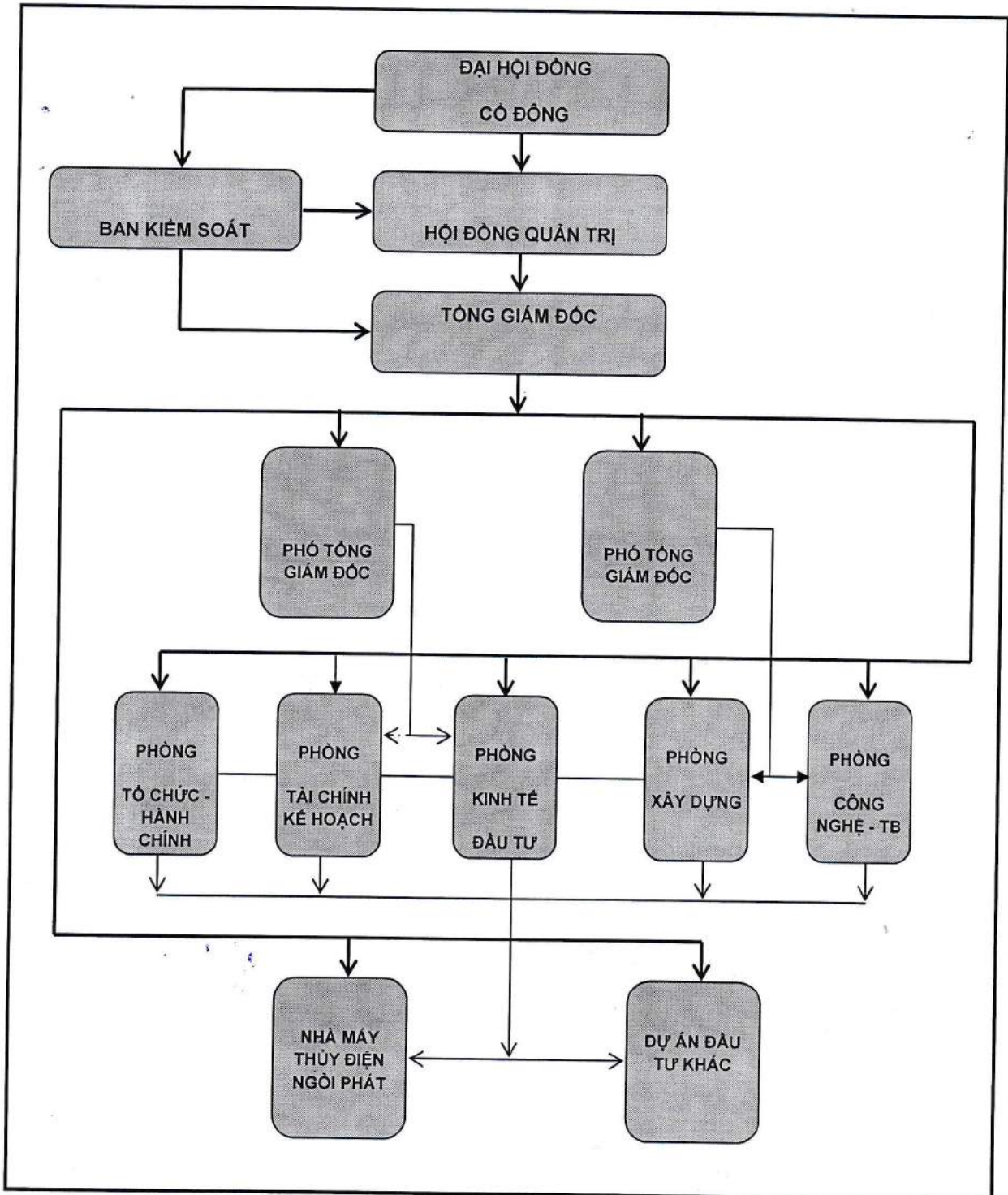
Dự án thủy điện Ngòi Phát do Công ty làm chủ đầu tư đã hoàn thành phát điện 03 tổ máy đồng thời tổ chức lễ khánh thành nhà máy thành công vào ngày 27/12/2014. Kể từ 01/2015 đến nay nhà máy thủy điện Ngòi Phát đã đi vào vận hành ổn định – an toàn – tin cậy và luôn vượt sản lượng theo kế hoạch đề ra.

- Địa bàn hoạt động hiện nay: Tại nhà máy thủy điện Ngòi Phát thuộc xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

a. Đại hội đồng cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	41.162.929	82,34%	
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	36.613.500	73,24%	
2	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	4.549.429	9,1%	
II	Thế nhân và pháp nhân khác	8.831.031	17,66%	
	Tổng cộng	49.993.960	100,00%	

b. Hội đồng quản trị:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên (1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Nguyễn Ngọc Điệp	1959		Ba đình, Hà Nội	1	KSXĐ-Th. sỹ	Cao cấp		Chủ tịch
2	Nguyễn Hữu Ngọc	1973		Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội	1	Thạc sỹ	Tr. Cấp		Ủy viên
3	Nguyễn Thành Phương	1955		Kim Động, Hưng Yên	1	Thạc sỹ	Cao cấp		Ủy viên
4	Ứng Hồng Vận	1962		Từ Liêm, Hà Nội	1	KSCK	Tr. Cấp		Ủy viên
5	Đông Thị Lan		1960	Nam Từ Liêm, Hà Nội		Sư phạm, Tài chính, Luật KT			Ủy viên (đến ngày 10/8/2017)

c. Ban kiểm soát:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Đặng Thanh Huấn (Vinaconex)	1964		Bình Giang, Hải Dương	1	ĐHT CTD	Cao cấp		Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Xuân Dũng (BIDV)	1980		Tây Hồ, Hà Nội	1	Thạc sỹ	Tr. cấp		Ủy viên
3	Hoàng Trọng Thạch (SME)	1979		Kim Động, Hưng Yên	1	CN luật	Sơ cấp		Ủy viên

b. Ban Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc Công ty - Phụ trách chung:

Ông: Ứng Hồng Vận

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1962

Số CMTND: 013479110

Công an Hà Nội cấp 06/10/2011

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán: Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Ngõ 33, Phạm Tuấn Tài, Phường Cổ Nhuế 1, Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

0976 292 488

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí- Đại học kỹ thuật CN Việt Bắc

Quá trình công tác:

+ 03/1987 – 02/2006 Công tác tại Tổng công ty LILAMA Việt Nam

+ 03/2006 – 07/2006: Phó Giám đốc Ban điều hành hồ chứa nước Cửa Đạt, TCT cổ phần Vinaconex.

+ 07/2006 – 06/2008: PGĐ Ban quản lý xi măng Cẩm Phả, TCT cổ phần Vinaconex

+ 06/2008 – 01/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Cẩm phả, TCT cổ phần Vinaconex

+ 01/2010 – 06/2010: Phó Giám đốc Công ty đá trắng Vinaconex

+ 07/2010 – 05/2011: Giám đốc Công ty đá trắng Vinaconex

-
- + 05/2011 – 01/2013: Chuyên viên Ban đầu tư TCT Vinaconex
+ 01/2013 – 04/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty Viwasupco – Tổng Công ty CP Vinaconex
+ 05/2013 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

- Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Kinh tế kế hoạch – đầu tư:

Họ và tên: **Nguyễn Hải Đăng**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 07 tháng 05 năm 1973

CMTND: 0111152135 Ngày cấp: 21/09/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Nhà 18/C5, Tổ dân phố số 7, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0912322063

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
1996 - 2001	Nhân viên phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 6
2001 - 2002	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2002 - 2003	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2003 - 2004	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý đầu tư và xây dựng các nhà máy thủy điện (Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam - VINACONEX)
7/2004 - 7/2007	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2.
7/2007 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện

Miền Bắc 2

- Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Kỹ thuật:

Họ và tên: **Trần Vĩnh Hào**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/1/1976

Nơi sinh: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa các xí nghiệp công nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
06/1997 – 04/2002	Kỹ sư xưởng sản xuất công ty TNHH VIT-METAL km 9 đường Bắc Thăng long Nội Bài xã Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc
05/2002 – 04/2005	Kỹ sư giám sát liên danh VIKOWA (VINACONEX&KOLON) thầu dự án cấp nước 1 A
05/2005 – 06/2008	Kỹ sư giám sát, chuyên viên Ban quản lý đầu tư XD hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội – Tổng công ty VINACONEX
06/2008 – 03/2009	Phó trưởng ban CBSX nhà máy nước VINACONEX
03/2009 – 02/2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty nước sạch VINACONEX (VIWASUPCO)
03/2011 – 04/2014	Chuyên viên ban điều hành thi công dự án khu đô thị Bắc An Khánh – Tổng Công ty VINACONEX
05/2014 – 09/2014	Chuyên viên BXD Tổng Công ty biệt phái công tác tại công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 đảm nhận Tổ trưởng tổ kiểm soát hệ thống thiết bị đồng bộ NM thủy điện Ngòi Phát
10/2014 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2018:

+ Vận hành ổn định – an toàn – hiệu quả và tin cậy nhà máy thủy điện Ngòi Phát; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện so với kế hoạch đề ra;

+ Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu/hợp tác đầu tư các dự án khác trên địa bàn Lào Cai có hiệu quả, khả thi...vv;

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phối hợp với Tổng công ty tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển/hợp tác đầu tư các dự án thủy điện có quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn Lào Cai và các tỉnh phía Bắc Việt Nam.

6. Các rủi ro:

Do thiên tai, hỏa hoạn ..v.v không lường trước được (bất khả kháng xảy ra);

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Năm 2017 Miền Bắc nhìn chung là ít mưa; riêng tháng 4 đã có đợt lũ sớm vào 22/4; Điều kiện thủy văn năm 2017 tại lưu vực Ngòi Phát đánh giá sơ bộ là khả quan tương đương cùng kỳ năm 2016 và các năm trước, đến quý 4/2017 thủy văn có biến động khó lường so với các năm trước, lượng mưa tốt hơn hẳn năm 2016. Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi phát là hồ dung tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi mưa ít nhưng lượng nước về đều Nhà máy sẽ tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dẫn đến phải xả lũ, thống kê thủy văn năm 2017 là khá đều đã giúp sản lượng điện thương phẩm tăng cao so với cùng kỳ năm 2016. Do làm tốt công tác bảo trì sửa chữa, xử lý sự cố, phòng chống bảo lụt ... nên các tổ máy luôn sẵn sàng giúp tận dụng triệt để lượng nước trong mùa khô và có lũ đột xuất. Vào mùa mưa nhiều nước, nhà máy đã thường xuyên vận hành các Tổ máy ở công suất tối đa ~110% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, nhà máy đã tối ưu hóa vận hành cũng như sự liên hệ và phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ A0, A1 dẫn đến các Tổ máy luôn được nối lưới khi có nước về. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 đạt 112,59 tỷ đồng so với lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 đạt 79,29 tỷ đồng tăng 33,3 tỷ đồng tương đương tăng 42%.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD trong năm 2017. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	Sản lượng	Đvt	SL kế hoạch và thực hiện	Sản lượng theo công suất thiết kế	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Sản lượng kế hoạch 2017	Tr.kwh	354,5	303,5	51	
2	Sản lượng thực hiện 2017	Tr.kwh	443,5	303,5	140	

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Chênh lệch (TH-KH)	Tỷ lệ (%)

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Chênh lệch (TH-KH)	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu Kwh	354,58	443,54	88,96	125,1%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	360,42	436,37	75,95	121,1%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	286,06	323,77	37,71	113,2%
4	<i>Trong đó: Chi phí tài chính</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>127,76</i>	<i>134,10</i>		
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	74,36	112,59	38,23	151,4%

Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh:

- Hoạt động của nhà máy: Về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao; công tác sản xuất vận hành, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão được kiện toàn nên công tác an toàn được duy trì tuyệt đối. Tuy nhiên, CBCNV Nhà máy sau gần 4 năm vận hành, đến nay mặc dù đã có nhiều tiến bộ so với thời gian đầu do tự đào tạo và đào tạo ngoài cơ bản đã làm chủ công nghệ vận hành được khoảng 95%. Nhưng hiện nay do các tồn tại về thiết bị để lâu, lỗi thiết kế, thiếu tài liệu và chuyển giao công nghệ nên vẫn còn một số tồn tại lớn như hiện tượng nhiễm nước của ổ hướng TGB... , mặc dù Công ty và nhà máy đã nỗ lực nghiên cứu, xử lý đạt khoảng 90% theo yêu cầu (đến nay tổ máy đã vận hành liên tục được khoảng 5 đến 6 tháng mới phải thay dầu) nhưng vẫn phải cần thêm sự cải tiến công nghệ, cải tiến kỹ thuật và hỗ trợ của các chuyên gia cao cấp để xử lý dứt điểm lâu dài.

- Số liệu vận hành thực tế năm 2017 cho thấy sản lượng tổn hao trung bình 4,2%, trong đó tiêu thụ tự dùng là khoảng 0,9%, giảm 0,03 so với năm 2016 và tổn hao đường dây trung bình năm 2017 là khoảng 3,3%.

- Về công tác quản lý, công tác tài chính: Với kết quả sản xuất kinh doanh đạt được như trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức 2016 đúng kế hoạch cho toàn bộ các cổ đông, không tồn đọng bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với khách hàng.

- Công tác bán hàng và thu tiền hàng tháng đều đạt kế hoạch, luôn đảm bảo tiền về tài khoản của Công ty trước 30 ngày so với điều kiện thanh toán trong hợp đồng ký với Công ty Mua bán điện.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh	Số hữu CP tại công ty
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN		
1	Ưng Hồng Vận	1962		Duy Tiên, Hà Nam	1	KSCK	Sơ cấp		Tổng Giám đốc C.ty	640.752
2	Nguyễn Hải Đăng	1973		Hà Đông, Hà Nội	1	CNKT	C. cấp		PTGD	320.510
3	Trần Vĩnh Hào	1976		Hoài Đức, Hà Nội	1	KS tự động	Sơ cấp		PTGD	336.065
4	Đình Tuấn Anh	1977		Yên Khánh, Ninh Bình	0	CNKT	Sơ cấp		KTT	307.700

- Những thay đổi trong ban điều hành 2017: Không có

- Số lượng CBNV trong công ty và cơ cấu lao động:

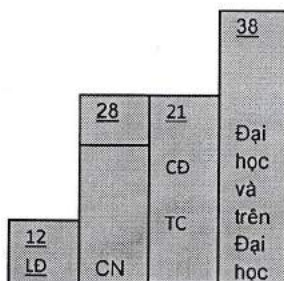
Giới	số lao động tại thời điểm 01/2/2017	Loại hợp đồng lao động	Số LĐ
Nam	82	Không thời hạn	38
Nữ	17	Có thời hạn	61
Tổng	99	Theo mùa vụ	00

Trình độ lao động	Số lao động tại thời điểm báo cáo
Đại học và trên đại học	38
Cao đẳng, trung cấp	21
CNKT	28
Lao động phổ thông	12

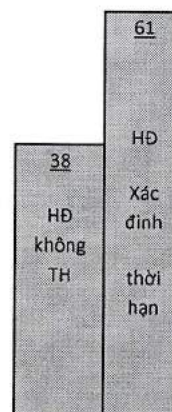
(vẽ biểu đồ cơ cấu lao động theo giới, theo trình độ và theo loại hợp đồng lao động)



Biểu đồ LĐ theo giới



Biểu đồ LĐ theo trình độ



Biểu đồ loại HĐLĐ

Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:

- Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, là đơn vị Chủ đầu tư có nhiệm vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả và tin cậy; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện theo kế hoạch giao; thực hiện công tác quyết toán sau đầu tư dự án thủy điện Ngòi phát và đầu tư dự án khu đô thị Thủy Hoa tại thành phố Lào Cai vì vậy cơ cấu lao động của công ty trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án trên là hợp lý.

- Nêu nguyên nhân (đặc điểm của ngành) dẫn tới cơ cấu trên:

Nhiệm vụ chính của công ty là đảm bảo VH nhà máy ổn định – an toàn an ninh – tin cậy và hoàn thành vượt mức sản lượng giao; hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát; triển khai các dự án mới theo kế hoạch được duyệt. Vì vậy cơ cấu lao động trên là hợp lý.

- Cơ cấu trên có ảnh hưởng gì tới chính sách với người lao động:

Cơ cấu gọn và tinh của bộ máy quản lý điều hành tạo điều kiện cho CBNV phát huy được vai trò cá nhân trong công việc được giao, mặt khác Lãnh đạo công ty sẽ có điều kiện quan tâm chu đáo các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện người lao động yên tâm công tác và cống hiến phục vụ lâu dài cho công ty.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ Chính sách lương, thưởng

- Giới thiệu về hệ thống thang bảng lương của Công ty :

Công ty thành lập theo Luật doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong công ty được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động. Hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương áp dụng theo quy định tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ và thang bảng lương do công ty xây dựng áp dụng kể từ 01/1/2016;

+ Phụ cấp của Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách được công ty trình Đại hội đồng cổ đông hàng năm phê duyệt ở mức phù hợp và đảm bảo;

+ Bảng lương CBNV toàn Công ty xây dựng theo hướng dẫn tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ.

+ Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...):

Công ty thực hiện 100% CBNV làm việc tại công ty đều tham gia trích nộp BHXH, BHYT và lập sổ BHXH, cấp thẻ BHYT cho CBNV theo quy định của Luật BHXH, BHYT.

+ Các chính sách khuyến khích vật chất: Ngoài chế độ tiền lương hàng tháng công ty chi thêm tiền thưởng nhân dịp ngày lễ tết, tiền ăn trưa cho CBNV, trang bị quần áo đồng phục và tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tặng quà sinh nhật cho CBNV công ty.

❖ Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo thường xuyên và đạo tạo bổ sung: Hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV công ty theo các lĩnh vực: Tư vấn giám sát công trình, Quản lý đấu thầu, công tác dự toán....vv. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học công ty chi trả 100%.

- Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được công ty cân đối bố trí, tạo điều kiện về thời gian và xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo/khóa học.

❖ Chính sách trợ cấp:

Lãnh đạo công ty phối hợp với BCH công đoàn công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV: Có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi ro ...

❖ Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2017 là: 13.700.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng.

Năm 2017, Công ty đã thực hiện xong thủ tục chuẩn bị đầu tư bao gồm:

- Hoàn thành toàn bộ công tác chuẩn bị đầu tư dự án (phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy điện của Bộ Công Thương; Lập - thẩm định BCNCKT, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của UBND tỉnh Lào Cai). Tháng 5/2017 Hội đồng quản trị Công ty NEDI2 phê duyệt dự án đầu tư công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổng tiến độ thi công dự án;

- Hoàn thành 100% công tác giải phóng mặt bằng: Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xây dựng công trình đã được UBND huyện Bát Xát phê duyệt, Công ty đã chi trả toàn bộ tiền bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất;

- Công tác thu xếp vốn:

+ Đối với phần vốn vay: Trong tháng 8/2017, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương về việc cấp tín dụng cho dự án với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng.

+ Đối với phần vốn tự có: Công ty đã hoàn thành toàn bộ công tác tăng vốn, thu tiền về tài khoản phong tỏa 88.4 tỷ đồng trong năm 2017 và đã báo cáo UBCK Nhà nước kết quả phát hành, dự kiến xong toàn bộ công tác tăng vốn trong tháng 1/2018.

- Công tác chuẩn bị xây dựng:

+ Công tác thiết kế: Đã hoàn thành bước khảo sát, đơn vị tư vấn đã cơ bản hoàn thành thiết kế BVTC, Chủ đầu tư đang hoàn thiện công tác thẩm tra, thẩm định các hạng mục trước khi phê duyệt theo quy định;

+ Thành lập Ban chỉ đạo công trường: thường trực chỉ đạo điều hành, kiểm soát công tác thi công tại hiện trường theo tiến độ thi công được duyệt.

+ Công tác khởi công công trình: Công ty đã tổ chức lễ khởi công dự án đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước (hoàn thành việc đền bù GPMB, phê duyệt ĐTM, thẩm định TKCS của Sở Công Thương, Cấp giấy phép xây dựng,...).

+ Về công tác thi công: Thực hiện chỉ đạo của HĐQT, từ tháng 11/2017, đối với công tác thi công trên công trường: Công ty chỉ tập trung hoàn trả lại mặt bằng đối với một số hạng mục đã ký hợp đồng và thi công dở dang (cầu giao thông, hồ móng nhà máy), đảm bảo an toàn, an ninh và môi trường. Giá trị ước đã thực hiện năm 2017 là 9.85 tỷ đồng

- Công tác đàm phán giá điện: Đang là vấn đề khó khăn lớn nhất do sự bất cập về việc thay đổi chế độ chính sách của Nhà nước đối với phương pháp xác định giá bán điện. Trong quý VI/2017, Công ty đã có báo cáo HĐQT bức tranh tổng thể về thực tế và các phương án đàm phán giá điện. Hiện nay, Công ty vẫn đang tiếp tục tập trung cao nhất, tìm mọi giải pháp, mọi hướng đi, để phương án xây dựng đàm phán giá bán điện có tính khả thi, đảm bảo dự án mở rộng có hiệu quả kinh tế, dự kiến sẽ báo cáo HĐQT và Tổng Công ty Vinaconex trong quý I/2018 sau khi có kết quả cụ thể.

- Công ty đã đề xuất HĐQT Công ty chấp thuận chủ trương cho triển khai dự án đầu tư nhằm bảo vệ an toàn, an ninh chống ngập lụt cho nhà máy: Cải tạo lòng sông và gia cố tường chắn hạ lưu suối Ngòi Phát nhằm đảm bảo an toàn cao nhất và hiệu năng phát điện cho Nhà máy Ngòi Phát hiện hữu. Thời gian thực hiện ngay: từ mùa khô 2017-2018 và sẽ hoàn thành trong mùa khô 2018-2019.

b. Công tác quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát.

Dự án thủy điện Ngòi Phát đã hoàn thành báo cáo quyết toán dự án và được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tháng 4/2017.

Từ tháng 9-11/2017, Công ty đã làm việc với Đoàn Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư đối với Dự án. Kết thúc 2017, công tác Kiểm toán Nhà nước tại đơn vị đã hoàn thành và dự kiến trong tháng 2/2018 sẽ có báo cáo kiểm toán hợp nhất của toàn Tổng công ty Vinaconex.

c. Công tác quyết toán dự án Thủy Hoa.

Báo cáo quyết toán dự án khu ĐT-TM Thủy Hoa đã thực hiện hoàn thành và đã được HĐQT phê duyệt trong tháng 8/2017.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	2017	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	2.008.765.143.881	1.983.071.956.213	-1,28
Doanh thu thuần	400.615.303.165	434.599.942.542	8,48
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	80.857.334.617	121.505.875.592	50,27
Lợi nhuận khác	(1.299.135.599)	(8.914.049.789)	586,15
Lợi nhuận trước thuế	79.288.199.018	112.591.825.803	42
Lợi nhuận sau thuế	79.288.199.018	112.591.825.803	42
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	18%	20
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2016	2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,80	1,80	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			

<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,70	1,6	
/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	75,68 %	66,47%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,11	1.98	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			Sản xuất điện không có hàng tồn kho
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,20	0,22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19,79%	25,91%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,23%	16,93%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,95%	5,68%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	19,79%	25,91%	Miễn thuế TNDN

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu của Công ty : 49.993.960 cổ phiếu
 - Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành : 49.993.960 cổ phiếu
 Trong đó:
 + Đã lưu ký : 10.298.396 cổ phiếu
 + Chưa lưu ký : 39.695.564 cổ phiếu

Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng : 9.137.120 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	41.162.929	82,34%	
1	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	36.613.500	73,24%	
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Nhân thọ	4.549.429	9,1%	
II	Thế nhân và pháp nhân khác	8.831.031	17,66%	
	Tổng cộng	49.993.960	100,00%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm 2017, Công ty đã phát hành tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu và người lao động thành công với số tiền thu được là 88,39 tỷ đồng (trong đó Vốn góp là 84,6 tỷ đồng và thặng dư vốn cổ phần là 3,75 tỷ đồng).

- ✓ Đầu năm 2017 vốn đầu tư của chủ sở hữu : 415.296.500.000 đồng
- ✓ Tăng trong năm 2017 : 84.643.100.000 đồng
- ✓ Cuối năm 2017 vốn đầu tư của chủ sở hữu : 499.939.600.000 đồng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng số dầu thủy lực làm mát: 13.600 lít/ năm;

b/ Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng phục vụ sản xuất Nhà máy: 190.000 Mwh/năm (giảm 3% so với năm 2016).

(Trực tiếp);

- Năng lượng phục vụ khối văn phòng và phục vụ sinh hoạt: 53 Mwh/năm (giảm 3% so với năm 2016). **(Gián tiếp).**

Ghi chú: Năng lượng phục vụ sản xuất trực tiếp và gián tiếp năm 2017 được xác định tương đối bằng giá trị của tháng 1/2017 nhân với 12 tháng.

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 266,222 kwh (tăng 3% so với năm 2016).

c/ Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng : Không có.

6.3 Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a/ Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nguồn nước của lưu vực suối Ngòi Phát, suối ngòi phát nằm phía hữu ngạn Sông Hồng thuộc tỉnh Lào Cai, bắt nguồn từ vùng núi cao nằm giữa hai huyện Phong Thổ, Lai Châu và huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, từ trên độ cao gần 3000m chảy theo hướng chính Tây Nam-Đông Bắc đổ ra Sông Hồng ở cao độ khoảng 100m giữa hai xã Cốc Mỳ và Bản Vược, huyện Bát Xát, cách TP Lào Cai 25km về phía Tây Bắc.

❖ Phía thượng lưu Nhà máy:

- Thủy điện Mường Hum (nhánh chính);

- Suối Bản Xèo (nhánh phụ).

❖ Lượng nước sử dụng phát điện năm 2017 là: ~ 542 triệu m³.

b/ Tỷ lệ phần trăm và lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không tái sử dụng được.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2017 là: 13.700.000 đồng/người/tháng.

❖ Số lượng lao động:

- Trực tiếp: 57 người;

- Gián tiếp: 42 người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

❖ Về thời gian làm việc:

- Bộ phận hành chính:

+) Sáng: từ 7h30 đến 12h00;

+) Chiều: từ 13h30 đến 17h00.

- Bộ phận đi ca:

+) Ka 1: từ 6h đến 14h;

+) Ka 2: Từ 14h đến 22h;

+) Ka 3: Từ 22h đến 6h.

❖ Chính sách:

- Có phụ cấp Ka 3: 15% cơ bản;

- Thăm hỏi người lao động trong lúc ốm đau.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

❖ Đào tạo ngoài:

- Đào tạo trưởng ca (EVN);

- Đào tạo thị trường điện (EVN);

- Đào tạo quản lý, vận hành đường dây 110kV (EVN);
- Đào tạo AT – VSLĐ (EVN);
- Đào tạo PCCN (phòng PCCN Lào Cai);
- Đào tạo các lớp ngắn hạn (phục vụ quản lý);
- ❖ Tự đào tạo:
 - Đào tạo trưởng kíp, trực trung tâm, trực gian máy, trực cửa nhận nước;
 - Đào tạo sửa chữa đường dây 110 KV, điện – tự động hóa, cơ khí – thủy lực;
 - Đào tạo PCLB, PCCN.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Làm đường giao thông: San bang- Mường Vi; VH1; VH2; Bản Xèo; Dền Thàng;
- Hỗ trợ xây Nhà Văn Hóa;
- Hỗ trợ gây quỹ hoạt động cộng đồng địa phương.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Đánh giá điều kiện thủy văn, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

- Hoạt động sản xuất và vận hành của nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

+ Điều kiện thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

Năm nay mùa khô tháng 1,2,3, Miền Bắc nhìn chung là ít mưa; riêng tháng 4 đã có đợt lũ sớm vào 22/4; Điều kiện thủy văn năm 2017 tại lưu vực Ngòi Phát đánh giá sơ bộ là khá quan tương đương cùng kỳ năm 2016 và các năm trước, đến quý 4/2017 thủy văn có biến động khó lường so với các năm trước, lượng mưa tốt hơn hẳn năm 2016. Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi phát là hồ dung tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi mưa ít nhưng lượng nước về đều Nhà máy sẽ tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dẫn đến phải xả lũ, thống kê thủy văn năm 2017 là khá đều đã giúp sản lượng điện thương phẩm tăng cao so với cùng kỳ năm 2016. Do làm tốt công tác bảo trì sửa chữa, xử lý sự cố, phòng chống bão lụt ... nên các tổ máy luôn sẵn sàng giúp tận dụng triệt để lượng nước trong mùa khô và có lũ đột xuất. Vào mùa mưa nhiều nước, nhà máy đã thường xuyên vận hành các Tổ máy ở công suất tối đa ~110% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, nhà máy đã tối ưu hóa vận hành cũng như sự liên hệ và phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ A0, A1 dẫn đến các Tổ máy luôn được nối lưới khi có nước về.

Tổng hợp từ các yếu tố trên (thủy văn, tận dụng và phát huy tối đa giờ chạy máy, vận hành vượt ~10% công suất vào mùa mưa), Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng kế hoạch 2017 (Kwh)	Sản lượng thực hiện năm 2017 (kWh)	Tỷ lệ % so với KH
Sản lượng đầu cực máy phát năm 2017	373.997.647	461.283.516	123,3%
Sản lượng điện thương phẩm	354.585.508	443.541.843	125,1%

năm 2017			
----------	--	--	--

1.2. Tình hình vận hành sản xuất:

Nhà máy về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao; công tác sản xuất vận hành, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão được kiện toàn nên công tác an toàn được duy trì tuyệt đối. Tuy nhiên, CBCNV Nhà máy sau gần 4 năm vận hành, đến nay đã có nhiều tiến bộ so với thời gian đầu do tự đào tạo và đào tạo ngoài, cơ bản đã làm chủ công nghệ vận hành được khoảng 95%. Nhưng hiện nay do các tồn tại về thiết bị để lâu, lỗi thiết kế, thiếu tài liệu và chuyển giao công nghệ nên vẫn còn một số tồn tại lớn như hiện tượng nhiễm nước của ổ hướng TGB..., mặc dù Công ty và Nhà máy đã nỗ lực tự nghiên cứu, xử lý đạt khoảng 90% yêu cầu (đến nay tổ máy đã vận hành liên tục được khoảng 5-6 tháng mới phải thay dầu) nhưng vẫn phải cần thêm sự cải tiến công nghệ, cải tiến kỹ thuật và hỗ trợ của các chuyên gia cao cấp để xử lý dứt điểm lâu dài.

Số liệu vận hành thực tế năm 2017 cho thấy sản lượng tổn hao tổng trung bình 4,2%, trong đó tiêu thụ tự dùng là khoảng 0,9%, giảm 0,03% so với năm 2016 và tổn hao đường dây trung bình năm 2017 là khoảng 3,3%.

Công tác vận hành theo thị trường: Các kíp vận hành kiểm soát tốt thông số để vận hành thiết bị đảm bảo đúng quy định thiết kế cũng như phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn để ngăn chặn và đề xuất xử lý sớm - không ảnh hưởng đến công tác huy động tổ máy; đồng thời bám sát kế hoạch huy động công suất thị trường điện tại website thị trường và công tác thủy văn/chạy máy của các Nhà máy thủy điện bậc thang phía trên... đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục, tin cậy để không bị phạt Qdu và phát công suất tối ưu. Tuy nhiên, do lượng mưa trên diện rộng cả nước năm 2017 tăng đột biến nên điện năng trên hệ thống dư thừa, dẫn đến giá mua trên hệ thống thị trường điện quốc gia là rất thấp, tất cả các nhà máy thủy điện trên toàn quốc tham gia thị trường năm nay đều bị rớt giá, trong đó nhà máy thủy điện Ngòi Phát điện giá bình quân sản lượng tham gia thị trường điện chỉ là 734,8 đồng/kwh nên hiệu quả chưa đạt kỳ vọng của Công ty. Tuy nhiên, do thủy văn tốt và tận dụng được tối đa năng lực của thiết bị nên sản lượng điện năm 2017 vượt 23,3% so với KHSXKD 2017, và tăng 9% so với năm 2016 nên tổng doanh thu bán điện vẫn vượt 21,4% so với kế hoạch đặt ra.

1.3. Công tác bảo trì sửa chữa, khắc phục tồn tại và các công tác khác:

- Nhà máy đáp ứng kịp thời công tác thay thế sửa chữa, bảo trì, tuy chưa làm chủ được hoàn toàn công tác bảo trì sửa chữa, đặc biệt là những công việc khó như trung tu và sửa chữa lớn đều phải thuê chuyên gia và nhà thầu có kinh nghiệm. Tuy nhiên, về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu, đảm bảo công tác vận hành an toàn và liên tục.

- Tiến hành trung tu cả 03 tổ máy, hoàn thành toàn bộ công tác bảo dưỡng thường xuyên các hệ thống máy móc thiết bị, kiểm tra vận hành đường dây đảm bảo ổn định, tin cậy cao nhất cho mùa mưa lũ, thực hiện tốt các công tác sửa chữa thường xuyên, trực xử lý sự cố, trực phòng chống lụt bão 24/24h

Tiếp tục xử lý hiện tượng nhiễm nước vào dầu ổ hướng tua bin TGB của các Tổ máy để đảm bảo vận hành ổn định và giảm thiểu lượng dầu thay (đến nay tổ máy đã vận hành liên tục được khoảng 5-6 tháng mới phải thay dầu).

Đặt hàng bổ sung các vật tư dự phòng theo kế hoạch để phục vụ tối ưu sẵn có cho công tác sửa chữa, thay thế, vận hành ổn định, liên tục.

Công tác làm chủ công nghệ bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng của Nhà máy đã đạt khoảng 75% (chỉ còn công tác sửa chữa lớn trung tu-đại tu các thiết bị chính là phải thuê ngoài).

1.4. Công tác Quản lý - Đào tạo CBCNV Nhà máy:

Công ty đã tiến hành các công tác đào tạo sau: An toàn vệ sinh lao động cho CB – CNV Nhà máy; Huấn luyện nghiệp vụ PCCN cho CB – CNV Nhà máy; Chuyên đề Vận hành hệ thống điện (Trường ca) Nhà máy; Đào tạo bổ xung và sát hạch các chức danh Trưởng kíp gian máy, Trục trung tâm, Trục gian máy để đảm bảo tính dự phòng trong công tác vận hành sản xuất. Thuê Nhà thầu thiết bị AHPL đào tạo nâng cao về hệ thống SCADA-PLC cho CBKT Nhà máy, khắc phục cơ bản xong các lỗi của hệ thống SCADA. Công tác hiệu chỉnh, cập nhật, biên soạn các Quy trình quản lý, quy trình kỹ thuật ... cơ bản hoàn thành.

1.5. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2017 hưởng ứng các đợt phát động thi đua của Ban chấp hành công đoàn và Đoàn thanh niên, các cá nhân và tập thể CBNV nhà máy đã nỗ lực phấn đấu tìm tòi phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật khắc phục các hạng mục công trình của nhà máy còn tồn tại đem lại hiệu quả nhất định cho công tác VH của nhà máy góp phần tiết giảm chi phí vận hành, tiết kiệm tiêu hao điện

1.6. Kết quả sản xuất kinh doanh.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong giai đoạn đầu năm. Kết quả cụ thể như sau:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	360.42	436.37	121.1%
	- Doanh thu bán điện	358.02	434.59	
	- Doanh thu tài chính	2.4	1.78	
2	Chi phí sản xuất kinh doanh	286.06	323.77	113.2%
	Trong đó:			
	- Chi phí tài chính	127.76	134.10	
	Lãi vay	127.76	134.10	
	Phí bảo lãnh			
3	Lợi nhuận sau thuế	74.36	112.59	151.4%
4	Nộp ngân sách	58.8	77.0	130.9%
5	Cổ tức	15%	18%	120%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Chỉ tiêu cơ cấu tài sản: Theo số liệu trình bày Báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31/12/2017 chỉ tiêu cơ cấu tài sản không có biến động lớn trong đó chỉ tiêu Tổng tài sản năm 2017 là: 1.983,1 tỷ đồng so với Tổng tài sản năm 2016 là 2.008,8 tỷ đồng đã giảm 25,7 tỷ đồng tương ứng giảm 1,28 % so với năm 2016 gồm hai nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giảm do trả nợ gốc vay Ngân hàng : 129,2 tỷ đồng
- Tăng vốn chủ sở hữu từ đợt phát hành tăng vốn năm 2017 : 88,4 tỷ đồng

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Các khoản nợ phải trả chủ yếu là phải trả gốc vay dài hạn đến hạn trả trong năm và phải trả cho các hợp đồng Nhà thầu quyết toán hợp đồng dự án thủy điện Ngòi Phát và các chi phí sản xuất kinh doanh đến kỳ thanh toán.

Năm 2017 nhà máy thủy điện Ngòi Phát hoạt động ổn định đảm bảo dòng tiền trả nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng.

Tình hình trả nợ gốc vay 2017 (Đvt: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dư nợ gốc vay đầu năm	Kế hoạch trả nợ gốc vay trong kỳ	Đã trả nợ gốc vay	Giải ngân trong kỳ	Dư nợ gốc vay cuối kỳ	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	1.075,8	40	40		1.035,8	100%
2	VDB	346,8	89,2	89,2		257,6	100%
	Cộng	1.422,6	129,2	129,2		1.293,4	

- Tình hình trả nợ lãi:

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Lãi vay phải trả	Đã trả nợ lãi vay	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	102,96	102,96	100%
2	VDB	31,14	31,14	100%
	Cộng	134,1	134,1	

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Đối với các khoản vay cho dự án Công ty vay bằng VNĐ vì vậy không ảnh hưởng đến chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2017 máy thủy điện Ngòi Phát đi vào sản xuất kinh doanh năm thứ 4 đã có doanh thu đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ vay Ngân hàng nên không có khoản nợ xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm giải pháp hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và đưa ra những chính sách hợp lý đáp ứng cho từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng năm xem xét, đánh giá về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận để có những điều chỉnh cho phù hợp.

Cơ cấu tổ chức tinh gọn, không chồng chéo, chức năng nhiệm vụ rõ ràng và phân cấp quản lý từ Lãnh đạo Công ty đến các phòng ban, đơn vị trực thuộc thống nhất quản lý điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thực hiện nhiệm vụ trong tâm của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua năm 2017 và định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2014-2019; Hội đồng quản trị đưa ra định hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm của Công ty như sau:

- Vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát an toàn, hiệu quả, tin cậy và tiết kiệm chi phí.
- Phấn đấu cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm trên 10%.
- Làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Đầu tư xây dựng dự án Ngòi Phát mở rộng. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư (thông qua hợp tác đầu tư, góp vốn cổ phần/hoặc chuyển nhượng dự án) để tham gia đầu tư các dự án thủy điện có quy mô nhỏ, dưới 30 MW) trên địa bàn các tỉnh Phía Bắc.
- Tìm kiếm và tham gia vào các dự án kinh doanh khai thác khoáng sản và khai thác VLXD, nước sạch tại Lào Cai là những thế mạnh của tỉnh Lào Cai và phù hợp với định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lào Cai được phê duyệt;
- Tiến tới hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư. Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ, coi đó là một trong các giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2017 được đính kèm theo Báo cáo thường niên mục VI.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (Tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Tuân thủ thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy:

- Quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tại Nhà máy 06 tháng/lần/năm;
- Trồng rừng thay thế hoàn nguyên sau thi công xong dự án;
- Duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đảm bảo nước cho hệ sinh thái;

- Đối với các chất thải nguy hại: Như dầu thải, ắc quy, bóng đèn, rẻ lau..... thu gom lưu kho và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Đối với các chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường: Phân loại, tập kết xử lý chôn lấp hợp vệ sinh.

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng người lao động.

- Sử dụng lao động đúng mục đích tuyển dụng và đảm bảo quyền lợi của người lao động;

- Huấn luyện, sát hạch AT-VSLĐ, PCCN theo đúng quy định;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ vận hành, sửa chữa cho CB- CNV Nhà máy;

- Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động;

- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định;

- Các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các đối tượng nằm trong nhóm lao động có công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm;

- Được đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN...

- Về thời gian làm việc:

❖ Bộ phận hành chính:

+) Sáng: từ 7h30 đến 12h00;

+) Chiều: từ 13h30 đến 17h00.

❖ Bộ phận đi ca:

+) Ka 1: từ 6h đến 14h;

+) Ka 2: Từ 14h đến 22h;

+) Ka 3: Từ 22h đến 6h.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp đóng trên địa phương.

- Trang bị, lắp đặt thiết bị cảnh báo lũ theo quy định của Bộ công thương;

- Tạo công ăn việc làm cho CB-CNV địa phương đóng trên địa bàn;

- Xây dựng, sửa chữa công trình từ thiện: Xây dựng cầu dân sinh Kin Chu Phìn 2 xã Nậm Pung, Sửa chữa trường mầm non xã Bản Vược...giúp nhân dân địa phương nâng cao chất lượng cuộc sống;

- Hưởng ứng, phát động quyên góp ủng hộ đồng bào gặp khó khăn: đợt lũ năm 2017; hộ nghèo; gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.... ổn định cuộc sống.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị:

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị: Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên (thời gian từ 01/01/2017 đến 10/8/2017);

1. Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
2. Ông Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
3. Ông Ứng Hồng Vận	Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
4. Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên HĐQT
5. Bà Đồng Thị Lan	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 10/8/2017)

HĐQT hoạt động với số lượng là 04 thành viên kể từ ngày 10/8/2017 gồm:

1. Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
2. Ông Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
3. Ông Ứng Hồng Vận	Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
4. Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên HĐQT

Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định/ngợi quyết chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là:

- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt các chủ trương, chiến lược đã đề ra. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT.

- Duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định (03 tháng một lần) và họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình cũng như số lượng thành viên dự họp và biểu quyết thông qua theo luật định các nội dung vấn đề được nêu ra. Đồng thời, thường xuyên trao đổi thông tin, bàn bạc thảo luận, phối hợp thống nhất chỉ đạo giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị để đưa ra các biện pháp giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu về đầu tư và SXKD của Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

1.2.1 Doanh thu và lợi nhuận

Năm nay mùa khô tháng 1,2,3, Miền Bắc nhìn chung là ít mưa; riêng tháng 4 đã có đợt lũ sớm vào vào tháng cuối tháng 4; Điều kiện thủy văn năm 2017 tại lưu vực Ngòi Phát đánh giá sơ bộ

là khả quan tương đương cùng kỳ năm 2016 và các năm trước, đến quý 4/2017 thủy văn có biên động khó lường so với các năm trước, lượng mưa tốt hơn hẳn năm 2016.

Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi phát là hồ dung tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi mưa ít nhưng lượng nước và đều Nhà máy sẽ tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dần đến phải xả lũ, thông kê thủy văn năm 2017 là khá đều đã giúp sản lượng điện tương phẩm tăng cao so với cùng kỳ năm 2016. Do làm tốt công tác bảo trì sửa chữa, xử lý sự cố, phòng chống bão lụt ... nên các tổ máy luôn sẵn sàng giúp tận dụng triệt để lượng nước trong mùa khô và có lũ đột xuất. Vào mùa mưa nhiều nước, nhà máy đã thường xuyên vận hành các Tổ máy ở công suất tới đa ~110% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, nhà máy đã tối ưu hóa vận hành cũng như sự liên hệ và phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ AO, A1 dẫn đến các Tổ máy luôn được nối lưới khi có nước về.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong giai đoạn đầu năm. Kết quả cụ thể như sau:

DVT: tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	360.42	436.37	121,1%
	- Doanh thu bán điện	358.02	434.59	
	- Doanh thu tài chính, DT khác	2.4	1.78	
2	Chi phí sản xuất kinh doanh	286.06	323.77	113.2%
	Trong đó:			
	- Lương	24.43	27.84	
	- Các khoản trích nộp, ăn ca...	1.41	1.84	
	- Khấu hao	69.14	71.50	
	- Chi phí quản lý	12.91	13.43	
	- Thuế TN, phí DVMTR	35.85	45.40	
	- Chi phí hoạt động nhà máy	14.56	20.34	

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
	- Chi phí tài chính (Lãi vay)	127.76	134.10	
	- Phân bổ thủy hoa, TĐNP		9.32	
3	Lợi nhuận trước thuế	74.36	112.59	151.4%
4	Thuế TNDN phải nộp			
5	Lợi nhuận sau thuế	74.36	112.59	151.4%
6	Nộp ngân sách	58.8	77.0	127,9%
7	Cổ tức	15%	18%	120%

1.2.2 Tình hình tài chính của Công ty

Với kết quả sản xuất kinh doanh trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

Tình hình trả nợ gốc dự án thủy điện Ngòi Phát (ĐVT: tỷ đồng).

- Tình hình trả nợ gốc vay (Đvt: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dư nợ gốc vay đầu năm	Kế hoạch trả nợ gốc vay trong kỳ	Đã trả nợ gốc vay	Dư nợ gốc vay cuối kỳ	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	1.075,8	40	40,0	1.035,8	100%
2	VDB	346,8	89,2	89,2	257,6	100%
	Cộng	1.422,6	129,2	129,2	1.293,4	

- Tình hình trả nợ lãi vay (Đvt: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Lãi vay phải trả	Đã trả nợ lãi vay	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	102.96	102.96	100%
2	VDB	31,14	31,14	100%
	Cộng	134.1	134.1	

1.2.3 Tình hình quyết toán dự án

a. Dự án thủy điện Ngòi Phát

- Dự án thủy điện Ngòi Phát đã hoàn thành báo cáo quyết toán dự án và được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tháng 4/2017.

- Từ tháng 9-11/2017, Công ty đã làm việc với Đoàn Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư đối với Dự án. Đến thời điểm này công tác Kiểm toán Nhà nước tại đơn vị đã kết thúc và dự kiến trong tháng 2/2018 sẽ có báo cáo kiểm toán hợp nhất của toàn Tổng công ty Vinaconex.

b. Dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa

- Báo cáo quyết toán dự án khu ĐT-TM Thủy Hoa đã thực hiện hoàn thành và đã được HĐQT phê duyệt trong tháng 8/2017.

1.2.4 Công tác đầu tư dự án

a. Dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng.

Năm 2017, Công ty đã thực hiện xong thủ tục chuẩn bị đầu tư bao gồm:

- Hoàn thành toàn bộ công tác chuẩn bị đầu tư dự án (phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy điện của Bộ Công Thương; Lập - thẩm định BCNCKT, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của UBND tỉnh Lào Cai). Trong tháng 5/2017 Hội đồng quản trị Công ty NEDI2 phê duyệt dự án đầu tư công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổng tiến độ thi công dự án;

- Hoàn thành 100% công tác giải phóng mặt bằng: Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xây dựng công trình đã được UBND huyện Bát Xát phê duyệt, Công ty đã chi trả toàn bộ tiền bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất;

- Công tác thu xếp vốn:

+ Đối với phần vốn vay: Trong tháng 8/2017, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương về việc cấp tín dụng cho dự án với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng.

+ Đối với phần vốn tự có: Công ty đã hoàn thành toàn bộ công tác tăng vốn, thu tiền về tài khoản phong tỏa 88.4 tỷ đồng trong năm 2017 và đã báo cáo UBCK Nhà nước kết quả phát hành, dự kiến xong toàn bộ công tác tăng vốn trong tháng 1/2018.

- Công tác chuẩn bị xây dựng:

+ Công tác thiết kế: Đã hoàn thành bước khảo sát, đơn vị tư vấn đã cơ bản hoàn thành thiết kế BVTC, Chủ đầu tư đang hoàn thiện công tác thẩm tra, thẩm định các hạng mục trước khi phê duyệt theo quy định;

+ Công tác khởi công công trình: Công ty đã tổ chức lễ khởi công dự án đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước (hoàn thành việc đền bù GPMB, phê duyệt ĐTM, thẩm định TKCS của Sở Công Thương, Cấp giấy phép xây dựng,...).

+ Về công tác thi công: Thực hiện chỉ đạo của HĐQT, từ tháng 11/2017, đối với công tác thi công trên công trường: Công ty chỉ tập trung hoàn trả lại mặt bằng đối với một số hạng mục đã ký hợp đồng và thi công dở dang (cầu giao thông, hồ móng nhà máy), đảm bảo an toàn, an ninh và môi trường. Giá trị ước đã thực hiện năm 2017 là 9.85 tỷ đồng

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ SXKD năm 2017, tạo ra lợi nhuận là 112 tỷ đồng và hoàn thành công tác quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát, chuẩn bị đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng. Đánh giá đây là nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành Công ty trong việc thực thi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty;

- Công tác quản trị doanh nghiệp của Ban giám đốc công ty ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu của Cổ đông và Hội đồng quản trị;

- Minh bạch thông tin quản lý của doanh nghiệp thông qua việc công bố thông tin lên thị trường chứng khoán và trang thông tin điện tử của Công ty;

- Đánh giá chung năm 2017 Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, các chỉ số tài chính đều vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể:

+ Sản lượng điện tăng 125% so với kế hoạch

+ Doanh thu tăng 121% so với kế hoạch

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 112,59 tỷ đồng, tăng 151,4% so với kế hoạch

+ Cổ tức đạt 18%, tăng 120% so với kế hoạch

Tuy nhiên Ban điều hành cần lưu ý một số công việc sau để đảm bảo phát huy tinh thần sáng tạo và hoàn thành kế hoạch năm 2018 đã được nêu trong Báo cáo Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty:

- Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy và vận hành thống nhất từ Công ty đến đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống quản lý được chuẩn hóa và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành xuyên suốt từ Công ty đến đơn vị trực thuộc và các phòng ban, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị, kiện toàn bộ máy của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, đội ngũ vận hành nhà máy đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả.

- Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty đã từng bước tạo dựng được môi trường làm việc dân chủ, khoa học, phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên; định kỳ tổ chức các phiên họp tập trung để thảo luận tình hình kinh doanh và đầu tư, chiến lược phát triển, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu NEDI 2.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Công ty theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua năm

2017 và định hướng phát triển công ty giai đoạn 2015 – 2019; HĐQT đưa ra định hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2018 như sau:

Định hướng kế hoạch SXKD năm 2018:

1. Vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát an toàn, hiệu quả, tin cậy và tiết kiệm chi phí.
2. Sản lượng điện thương phẩm đạt 373 triệu Kwh
3. Doanh thu của Công ty năm 2018 đạt 378 tỷ đồng
4. Lợi nhuận sau thuế 81 tỷ đồng
5. Phân đầu cổ tức chi trả cho cổ đông trên 15%.
6. Tiếp tục làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;
7. HĐQT đề nghị Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty tìm mọi giải pháp, nỗ lực hơn nữa trong công tác đàm phán giá điện cho dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng để dự án đảm bảo theo tiến độ dự kiến.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Nguyễn Ngọc Diệp	Chủ tịch	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Ứng Hồng Vận	Thành viên	Kiểm Tổng Giám đốc
Nguyễn Thành Phương	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Đông Thị Lan	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

Từ nhiệm chức danh TV HĐQT công ty của bà Đông Thị Lan từ 10/08/2017

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT			
Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	tỷ lệ
Nguyễn Ngọc Diệp	25.700.000	100.000 CP	51,6%
Nguyễn Hữu Ngọc	3.000.000	68.465 CP	6,14%

Ứng Hồng Vận	3.000.000	640.752 CP	7,28%
Nguyễn Thành Phương		640.767 CP	1,28%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành họp 10 cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian cụ thể như sau:

STT	Số cuộc họp	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 27/2017/BB-HĐQT	12/05/2017	Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty quý 1-2017 và định hướng kế hoạch quý 2-2017.
2	BB họp ngày 12/7/2017	12/7/2017	Sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch quý 3/2017. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trình ĐHĐCĐ.
3	Số 28/2017/BB-HĐQT	14/8/2017	Xem xét đơn từ nhiệm của bà Đồng Thị Lan ngày 09/8/2017.
4	Số 29/2017/QN-HĐQT	18/8/2017	- Thông qua kế hoạch sử dụng vốn huy động từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ CNV năm 2017. - Phê duyệt điều kiện, tiêu chí CBCNV Công ty được phân bổ quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP đã được ĐHĐCĐ bắt thường năm 2017 thông qua và thông qua DS HĐQT, BKS và CBCNV được phân bổ quyền mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
5	Số 30/2017/QN-HĐQT	18/8/2017	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty.
6	Số 31/2017/BB-HĐQT	18/8/2017	- Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết ĐHĐCĐ bắt thường năm 2017. - Thông qua việc triển khai phát hành CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
7	Số 32/2017/BB-HĐQT	12/10/2017	Báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, về dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
8	Số 33/2017/BB-HĐQT	13/12/2017	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu còn dư từ phần

			chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.			
9	Số 34/2017/BB-HĐQT	19/12/2017	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ động hiện hữu và đề xuất phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cp còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết.			
10	Số 35/2017/BB-HĐQT	19/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2017 và định hướng kế hoạch SXKD năm 2018. - Tờ trình v/v phê duyệt chủ trương triển khai công tác cải tạo thanh thải lòng sông và gia cố hạ lưu nhà máy thủy điện ngòi phát và báo cáo về việc giãn tiến độ đầu tư dự án thủy điện ngòi phát mở rộng. - Báo cáo đề xuất phương án đầu tư khu nhà ở CBCNV nhà máy TĐNP. 			
ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Ngọc Diệp	Chủ tịch HĐQT	28/03/2014	12/12	100%	
2	Nguyễn Thành Phương	Thành viên	25/03/2016	12/12	100%	
3	Đông Thị Lan	Thành viên	25/03/2016	2/12	16%	01 buổi vắng mặt có lí do đi công tác và từ nhiệm chức danh TV HĐQT từ ngày 10/8/2017.
4	Ứng Hồng Vận	Thành viên	28/03/2014	12/12	100%	
5	Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên	10/04/2015	12/12	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2017):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 46/2017/NQ-HĐQT	24/02/2017	Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2017
2	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017	27/3/2017	ĐHCĐ thường niên Công ty năm 2017.
3	Số 47/2017/NQ-HĐQT	5/4/2017	Phê duyệt quyết toán đầu tư hoàn thành dự án ĐTXD nhà máy thủy điện Ngòi Phát, công suất 72MW tại tỉnh Lào Cai.
4	Số 48/2017/NQ-HĐQT	26/5/2017	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai.
5	Số 49/2017/NQ-HĐQT	27/5/2017	Phê duyệt chủ trương thực hiện trước một số công việc, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai.
6	Số 50/2017/NQ-HĐQT	30/5/2017	V/v Giao cho TGD Công ty quyết định lựa chọn đơn vị tài trợ phần vốn vay thương mại đối với dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
7	Số 51/2017/NQ-HĐQT	30/5/2017	V/v phân quyền cho TGD Công ty quyết định một số công việc trong công tác quản lý ĐTXD đối với dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
8	Số 52/2017/NQ-HĐQT	5/6/2017	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức còn lại 5% năm 2016.
9	Số 54/2017/NQ-HĐQT	12/6/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai.
10	Số 55/2017/NQ-HĐQT	12/6/2017	Ủy quyền cho TGD Công ty phê duyệt dự toán gói thầu TK02: "Thiết kế bản vẽ thi công giai đoạn 2 và lập tổng dự toán", dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai.
11	Số 56/2017/NQ-HĐQT	30/6/2017	Thông qua việc lựa chọn công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 cho

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
			Công ty CP NEDI2.
12	Số 57/NQ/2017/NEDI2-HĐQT	3/7/2017	Nhất trí thông qua việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó TGĐ đối với ông Nguyễn Hải Đăng.
13	Số 58/2017/NQ-HĐQT	04/7/2017	Thông qua chủ trương ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dự toán một số gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai.
14	Số 59/2017/NQ-HĐQT	12/7/2017	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trình ĐHCĐ Công ty.
15	Số 60/NQ-NEDI2	12/7/2017	Triệu tập ĐHCĐ bất thường năm 2017 công ty NEDI2 để thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
16	Số 61/2017/NQ-HĐQT	12/7/2017	Thông qua ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dự toán một số gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai.
17	Số 062/2017/NQ-HĐQT	01/08/2017	Phê duyệt dự toán gói thầu XD05: "Thi công cầu giao thông-vận hành", dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai.
18	Số 63/2017/NQ-HĐQT	6/8/2017	Chấm dứt hoạt động đầu tư và phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản dở dang, dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa, phường Duyên Hải, Lào Cai.
19	Số 064/2017/NQ-HĐQT	14/8/2017	Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của bà Đồng Thị Lan.
20	Số 65/2017/NQ-HĐQT	18/8/2017	Thông qua kế hoạch sử dụng vốn huy động từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên năm 2017.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
21	Số 66/2017/NQ-HĐQT	18/8/2017	Phê duyệt điều kiện, tiêu chí và danh sách CBCNV Công ty được phân bổ quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2017 công ty thông qua.
22	Số 67/2017/NQ-HĐQT	18/8/2017	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
23	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2017	18/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 500 tỉ đồng. - ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2014-2019 của bà Đồng Thị Lan theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 10/8/2017. - ĐHĐCĐ nhất trí thông qua việc duy trì số lượng thành viên HĐQT Công ty là 04 người để quản lý công ty cho đến khi kiện toàn số lượng thành viên HĐQT và sẽ báo cáo ĐHCĐ việc thay đổi/bổ sung thành viên HĐQT vào ĐHCĐ sau.
24	Số 68/2017/NQ-HĐQT	18/8/2017	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
25	Số 69/2017/NQ-HĐQT	13/12/2017	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu còn dư từ phần chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
26	Số 70/2017/NQ-HĐQT	19/12/2017	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

BAN KIỂM SOÁT		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban	Thành viên độc lập không điều hành
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT			
Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	Cổ phần khác
Đặng Thanh Huấn	Không có	41.434 CP	Không có
Hoàng Trọng Thạch	Không có	Không có	Không có
Nguyễn Xuân Dũng	Không có	500 CP	Không có

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

+ Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Các công tác đã thực hiện trong năm 2017:

- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của công ty trong năm.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành trong năm 2017 theo quy định của pháp luật hiện hành và của công ty.
- Soát xét Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm, các BCTC được lập theo đúng các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2017.
- Soát xét, tham gia ý kiến về Báo cáo quyết toán hoàn thành toàn bộ dự án Thủyđiện Ngòi Phát.
- Soát xét, tham gia ý kiến về Báo cáo quyết toán dự án dừng thực hiện - dự án KĐT thương mại Thủy Hoa – TP Lào Cai.
- Đánh giá và góp ý kiến về kế hoạch giãn tiến độ đầu tư dự án Thủyđiện Ngòi Phát mở rộng tỉnh Lào Cai.
- Giám sát về thủ tục và quá trình thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng của Công ty.
- Kiểm soát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ:

+ Nội dung họp quý I/2017:

Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, soát xét BCTC và tình hình SXKD của Công ty năm 2016; thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; Thẩm định và tham gia ý kiến về Báo cáo quyết toán hoàn thành toàn bộ dự án Thủyđiện Ngòi Phát.

+ Nội dung họp quý II/2017:

Kiến nghị HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC của công ty năm 2017; Xem xét về trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành trong quý I/2017.

+ Nội dung họp quý III/2017:

Xem xét về trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành trong quý II/2017; Thông qua báo cáo quản trị 6 tháng hoạt động của Ban Kiểm soát; soát xét BCTC bán niên 2017 của Công ty; Soát xét, tham gia ý kiến về Báo cáo quyết toán dừng thực hiện dự án KĐT thương mại Thủy Hoa – TP Lào Cai.

+ Nội dung họp quý IV/2017:

Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành năm 2017; Tham gia thảo luận Báo cáo Ban điều hành về thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2017 và dự kiến kế hoạch năm 2018; Đánh giá và góp ý kiến về kế hoạch giãn tiến độ đầu tư dự án Thủy điện Ngòi Phát mở rộng tỉnh Lào Cai; Giám sát quá trình thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng của Công ty.

+ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Đại diện Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (hàng quý và bất thường), được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đã đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động SXKD đối với Ban điều hành Công ty.

- Ban Kiểm soát được cung cấp các văn bản xin ý kiến, tờ trình Hội đồng quản trị và các tài liệu, thông tin khác cùng thời gian và theo phương thức như với thành viên HĐQT; được cung cấp các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Công ty.

- Ban Kiểm soát được Ban điều hành cung cấp đầy đủ thông tin, các BCTC hàng kỳ, và các tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng yêu cầu và lịch làm việc của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Giá trị các khoản thù lao và chi phí chi tiết cho từng người cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức danh	Chủ tịch	Thành viên
Thù lao	15.000.000 đ/tháng	10.000.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	200.000 đ/tháng	200.000 đ/tháng

BAN KIỂM SOÁT

Chức danh	Trưởng ban	Thành viên
Thù lao	7.000.000 đ/tháng	4.000.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	200.000 đ/tháng	200.000 đ/tháng

BAN GIÁM ĐỐC

Chức danh	Tổng Giám Đốc điều hành	Phó Tổng Giám đốc
Lương cố định	40.000.000 đ/tháng	33.200.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	800.000 đ/tháng	500.000 đ/tháng
Tiền ăn trưa	800.000 đ/tháng	800.000 đ/tháng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch HĐQT	0	0%	100.000	0,2%	Tăng do mua
2	Nguyễn Thành Phương	TV HĐQT	498.500	1,2%	640.767	1,28%	Tăng do mua
3	Nguyễn Hữu Ngọc	TV HĐQT	3.000	0,007%	68.465	0,14%	Tăng do mua
4	Ứng Hồng Vận	TV HĐQT, TGD Công ty	5.500	0,013%	640.752	1,28%	Tăng do mua
5	Đặng Thanh Huân	Trưởng BKS	9.900	0,02%	41.434	0,08%	Tăng do mua
6	Nguyễn Hải Đăng	Phó TGD	2.000	0,005%	320.510	0,64%	Tăng do mua

7	Trần Vĩnh Hào	Phó TGD	3.000	0,007%	336.065	0,67%	Tăng do mua
8	Đình Tuấn Anh	KTT	0	0%	307.700	0,61%	Tăng do mua
9	Lại Thị Kim Huệ	Người được ủy quyền CBTT	0	0%	540	0,001%	Tăng do mua
10	Ứng Quyết Tiến	Con TGD	0	0%	16.230	0,03%	Tăng do mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty CP Đầu tư và phát triển Điện Miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Kèm theo Báo cáo này là Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vân



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương
Bà Đồng Thị Lan

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (đến ngày 10/8/2017)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Thanh Huân
Ông Hoàng Trọng Thạch
Ông Nguyễn Xuân Dũng

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

Số nhà 64B, Đường Phan Đình Phùng
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Ông Hồng Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Lào Cai, ngày 31 tháng 1 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 1 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-142-KT



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		205.055.943.899	149.725.831.359
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	147.147.151.062	36.850.758.156
Tiền	111		122.147.151.062	808.521.700
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	36.042.236.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	65.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	65.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.833.351.359	29.262.113.825
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	26.181.154.807	14.574.897.129
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.027.830.759	3.207.090.458
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.624.365.793	11.480.126.238
Hàng tồn kho	140	9	23.040.287.501	18.352.458.685
Hàng tồn kho	141		23.040.287.501	18.352.458.685
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.153.977	260.500.693
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	215.020.671
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	35.153.977	45.480.022
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		1.778.016.012.314	1.859.039.312.522
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.060.670.918	-
Phải thu dài hạn khác	216	10	18.060.670.918	-
Tài sản cố định	220		1.743.570.284.992	1.842.510.667.439
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.743.570.284.992	1.842.510.667.439
Nguyên giá	222		1.953.637.940.997	1.981.111.832.210
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.067.656.005)	(138.601.164.771)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.986.048.028	4.797.657.322
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.986.048.028	4.797.657.322
Tài sản dài hạn khác	260		11.399.008.376	11.730.987.761
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	11.399.008.376	11.730.987.761
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.983.071.956.213	2.008.765.143.881

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.318.212.302.714	1.520.230.012.525
Nợ ngắn hạn	310		113.953.235.341	186.786.945.152
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.880.013.103	9.137.996.517
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.215.757.160	4.655.365.319
Phải trả người lao động	314		4.955.733.040	9.003.417.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.849.433.194	12.949.891.057
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	3.952.489.798	7.241.106.251
Vay ngắn hạn	320	18(a)	89.184.000.000	142.728.291.256
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		915.809.046	1.070.877.691
Nợ dài hạn	330		1.204.259.067.373	1.333.443.067.373
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	21.000.000	21.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	1.204.238.067.373	1.333.422.067.373
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		664.859.653.499	488.535.131.356
Vốn chủ sở hữu	410	19	664.859.653.499	488.535.131.356
Vốn cổ phần	411	20	499.939.607.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.939.607.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.388.399.680	10.642.450.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		150.531.646.186	62.596.173.723
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		37.939.820.383	24.837.625.468
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		112.591.825.803	37.758.548.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.983.071.956.213	2.008.765.143.881

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hiếu
Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	10	23	434.599.942.542	400.615.303.165
Giá vốn hàng bán	11		150.401.860.854	136.471.938.592
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		284.198.081.688	264.143.364.573
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.308.431.019	3.869.430.878
Chi phí tài chính	22	25	134.831.398.894	152.376.363.878
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>134.154.591.571</i>	<i>144.085.379.535</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	29.169.238.221	35.049.096.956
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		121.505.875.592	80.587.334.617
Thu nhập khác	31		409.928.956	270.505.232
Chi phí khác	32	27	9.323.978.745	1.569.640.831
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(8.914.049.789)	(1.299.135.599)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		112.591.825.803	79.288.199.018
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		112.591.825.803	79.288.199.018
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.689	1.909

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ứng Hồng Vân
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		112.591.825.803	79.288.199.018
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		71.466.491.234	69.179.371.684
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		270.494.962	-
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		2.440.971.192	(2.141.786.649)
Chi phí lãi vay	06		134.154.591.571	144.085.379.535
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		320.924.374.762	290.411.163.588
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(5.345.890.818)	29.080.974.936
Biến động hàng tồn kho	10		(4.687.828.816)	(8.638.524.618)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		9.615.370.314	(75.027.927.107)
Biến động chi phí trả trước	12		331.979.385	(11.159.536.220)
			320.838.004.827	224.666.150.579
Tiền lãi vay đã trả	14		(143.255.049.434)	(144.096.586.709)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.046.596.605)	(2.271.492.563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		173.536.358.788	78.298.071.307
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(7.915.406.573)	(9.071.692.074)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	44.000.000
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		-	(65.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		65.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.117.860.647	3.046.956.120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		58.202.454.074	(70.980.735.954)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		88.389.049.680	-
Tiền thu từ đi vay	33		48.241.150.132	233.598.748.807
Tiền trả nợ gốc vay	34		(230.969.441.388)	(199.611.002.760)
Tiền trả cổ tức	36		(27.103.178.380)	(75.992.869.869)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(121.442.419.956)	(42.005.123.822)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		110.296.392.906	(34.687.788.469)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	36.850.758.156	71.538.546.625
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	147.147.151.062	36.850.758.156

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 99 nhân viên (1/1/2017: 97 nhân viên).



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ nhà điều hành thủy điện	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh là sản xuất điện và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Công ty, đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính, không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	1.030.376.267	17.726.245
Tiền gửi ngân hàng	121.116.774.795	790.795.455
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	36.042.236.456
	<hr/>	<hr/>
	147.147.151.062	36.850.758.156

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và lãi suất từ 4,8% - 6,5%/năm.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu người lao động	157.435.190	860.001
• Các khoản chi hộ	-	249.575.963
Tạm ứng	4.791.427.145	3.297.617.899
• Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai	-	6.829.752.000
Phải thu khác	675.503.458	1.102.320.375
	<hr/> 5.624.365.793	<hr/> 11.480.126.238

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.386.615.225	-	962.835.652	-
Công cụ và dụng cụ	21.653.672.276	-	17.389.623.033	-
	<hr/> 23.040.287.501	<hr/> -	<hr/> 18.352.458.685	<hr/> -

10. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác là khoản tiền sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm đất thuê (tại xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) kể từ thời điểm 1 tháng 8 năm 2013 cho số tiền Công ty đã bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát tại khu đất kể trên. Tiền thuê đất này đang được miễn giảm đến hết tháng 7 năm 2023.

Công ty đang trong quá trình quyết toán số tiền thuê được bù trừ với cục Thuế tỉnh Lào Cai.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện và nhà điều hành thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.413.062.238.000	102.550.958	562.814.111.934	5.132.931.318	1.981.111.832.210
Tăng trong năm	-	-	-	2.635.076.727	2.635.076.727
Giảm do quyết toán công trình (*)	(24.756.085.806)	-	(5.352.882.134)	-	(30.108.967.940)
Số dư cuối năm	1.388.306.152.194	102.550.958	557.461.229.800	7.768.008.045	1.953.637.940.997
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	80.494.048.887	75.175.959	56.509.042.504	1.522.897.421	138.601.164.771
Khấu hao trong năm	42.238.511.432	9.125.000	28.408.931.434	809.923.368	71.466.491.234
Số dư cuối năm	122.732.560.319	84.300.959	84.917.973.938	2.332.820.789	210.067.656.005
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.332.568.189.113	27.374.999	506.305.069.430	3.610.033.897	1.842.510.667.439
Số dư cuối năm	1.265.573.591.875	18.249.999	472.543.255.862	5.435.187.256	1.743.570.284.992

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có nguyên giá là 1.369 triệu VND (1/1/2017: 721 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 18(b)).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án.

Trong năm 2017, giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đã được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	4.797.657.322	10.681.315.849
Tăng trong năm	5.280.329.846	1.678.561.847
Giảm do quyết toán công trình	(1.533.107.301)	-
Xóa sổ	(3.558.831.839)	-
Giảm khác	-	(7.562.220.374)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.986.048.028	4.797.657.322

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	-	1.533.107.301
Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	-	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	4.986.048.028	181.818.182
Dự án Suối Chăn	-	690.909.090
	<hr/>	<hr/>
	4.986.048.028	4.797.657.322

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thiết bị văn phòng VND	Chi phí thuê văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	119.338.176	11.611.649.585	11.730.987.761
Tăng trong năm	298.621.139	-	298.621.139
Phân bổ trong năm	(311.013.838)	(319.586.686)	(630.600.524)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	106.945.477	11.292.062.899	11.399.008.376

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Tư nhân				
Andritz Hydro	2.078.650.878	2.078.650.878	100.653.672	100.653.672
Công ty truyền tải điện 1	659.406.458	659.406.458	1.620.175.379	1.620.175.379
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	567.805.757	567.805.757	-	-
Công ty TNHH MTV Đức Thiện	526.400.506	526.400.506	-	-
Công ty Cổ phần Vimeco	13.500.306	13.500.306	1.407.300.566	1.407.300.566
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	-	875.218.692	875.218.692
Công ty TNHH Xây dựng và				
Lắp đặt Thủy điện tỉnh Triết Giang	-	-	758.747.815	758.747.815
Các nhà cung cấp khác	1.034.249.198	1.034.249.198	4.375.900.393	4.375.900.393
	4.880.013.103	4.880.013.103	9.137.996.517	9.137.996.517

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	13.500.306	13.500.306	1.407.300.566	1.407.300.566
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	-	875.218.692	875.218.692
Công ty Cổ phần Vimeco				
Cơ khí và Thương mại	-	-	105.522.381	105.522.381
	13.500.306	13.500.306	2.388.041.639	2.388.041.639

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Biến động khác VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.663.371.928	42.301.955.504	(41.982.159.542)	-	2.983.167.890
Thuế nhà thầu	728.024.193	-	(728.024.193)	-	-
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	10.326.045	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.153.977)	-	-	-	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	89.863.554	2.896.135.376	(1.992.141.267)	-	993.857.663
Thuế tài nguyên	1.174.105.644	36.099.805.473	(35.035.179.510)	-	2.238.731.607
	4.609.885.297	81.297.896.353	(79.737.504.512)	10.326.045	6.180.603.183

Trong đó:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(35.153.977)	(45.480.022)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.215.757.160	4.655.365.319
	6.180.603.183	4.609.885.297

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	3.849.433.194	12.949.891.057

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn	136.409.824	91.954.194
Phải trả về cổ tức	728.078.657	7.066.431.657
Phải trả quỹ phát triển rừng	2.808.595.564	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	279.405.753	82.720.400
	<hr/>	<hr/>
	3.952.489.798	7.241.106.251

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	21.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay	(a) Vay ngắn hạn	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
		Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	53.544.291.256	53.544.291.256	48.241.150.132	(101.785.441.388)	-	-
	Vay dài hạn đến hạn trả	89.184.000.000	89.184.000.000	109.184.000.000	(109.184.000.000)	89.184.000.000	89.184.000.000
		142.728.291.256	142.728.291.256	157.425.150.132	(210.969.441.388)	89.184.000.000	89.184.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1	VND 8%	-	53.544.291.256



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	1.293.422.067.373	1.422.606.067.373
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(89.184.000.000)	(89.184.000.000)
<hr/>		
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.204.238.067.373	1.333.422.067.373
<hr/>		

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	9,7%	2027	1.055.751.972.373	1.075.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9% - 9,6%	2020	237.670.095.000	346.854.095.000
				<hr/>	<hr/>
				1.293.422.067.373	1.422.606.067.373
				<hr/>	<hr/>

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật cố liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	79.288.199.018	79.288.199.018
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(83.059.301.526)	(83.059.301.526)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	415.296.507.633	10.642.450.000	62.596.173.723	488.535.131.356
Phát hành cổ phiếu	84.643.100.000	3.745.949.680	-	88.389.049.680
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	112.591.825.803	112.591.825.803
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.891.527.960)	(3.891.527.960)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	499.939.607.633	14.388.399.680	150.531.646.186	664.859.653.499

2042
 G T
 M H
 MG
 M - X

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	41.529.650	415.296.507.633
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
Cổ phiếu phát hành trong năm	8.464.310	84.643.100.000	-	-
Số dư cuối năm	49.993.960	499.939.607.633	41.529.650	415.296.507.633

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2016 là 62.294 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu). Trước đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm ứng một phần cổ tức cho năm 2016 là 41.530 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu) theo Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2016. Theo đó, số cổ tức còn lại của năm 2016 phải phân phối trong năm 2017 là 20.764 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và chưa kết hợp đồng	155.200.000.000	-

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	1.117.860.647	3.559.339.780
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	190.570.372	310.091.098
	1.308.431.019	3.869.430.878

25. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	134.154.591.571	144.085.379.535
Phí bảo lãnh cho các khoản vay	-	7.943.844.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	270.494.962	-
Chi phí tài chính khác	406.312.361	347.140.157
	134.831.398.894	152.376.363.878

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.818.715.898	19.321.035.880
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	82.303.016	664.671.267
Chi phí khấu hao	467.899.142	899.371.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.085.357.335	5.406.096.041
Chi phí khác	6.714.962.830	8.757.922.084
	29.169.238.221	35.049.096.956

27. Chi phí khác

	2017	2016
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.265.735.109	-
Chi phí thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng khi quyết toán thủy điện Ngòi Phát	448.372.635	-
Giá trị quyết toán không hình thành tài sản cố định thủy điện Ngòi Phát	3.010.081.476	-
Chi phí khi ghi giảm giá trị tài sản xây dựng cơ bản dở dang dự án Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	2.867.922.749	1.461.553.131
Chi phí khi ghi giảm giá trị tài sản xây dựng cơ bản dở dang dự án Suối Chăn	690.909.090	-
Phạt vi phạm hành chính	342.683.077	-
Chi phí khác	698.274.609	108.087.700
	9.323.978.745	1.569.640.831

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.946.830.371	6.355.083.175
Chi phí nhân công	31.533.942.826	30.213.366.518
Chi phí khấu hao	71.466.491.234	69.179.371.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.258.342.702	7.034.319.749
Chi phí khác	57.365.491.942	58.738.894.422

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	112.591.825.803	79.288.199.018
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22.518.365.161	15.857.639.804
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.895.554.853	313.928.166
Miễn thuế	(24.413.920.014)	(16.171.567.970)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, dự án của Công ty được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2014 đến năm 2028). Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	112.591.825.803	79.288.199.018
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*) (VND)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	112.591.825.803	79.288.199.018
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu) (ii)	41.870.714	41.529.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.689	1.909

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	41.529.650	41.529.650
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	341.064	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	41.870.714	41.529.650

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ		
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	-	7.943.844.186
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	-	7.943.844.186
Phí thương hiệu	1.204.236.892	-
Chia cổ tức	14.850.000.000	59.400.000.000
Mua dịch vụ	177.532.279	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Vimeco		
Mua hàng	878.418.568	3.919.258.995
Số gốc vay trả trong năm	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex		
Mua hàng	18.000.000.000	-
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại		
Mua hàng	-	14.591.770
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.313.803.915	2.952.507.125
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Tiền thù lao và tiền điện thoại	856.800.000	511.200.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 31 tháng 1 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hiếu
Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ứng Hồng Vân
Tổng Giám đốc

